

Số: 1004/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 17 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục tỉnh Quảng Nam
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Kết luận số 91- KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

Căn cứ Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông báo số 161/TB-UBND ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh (khoản 3);

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 53/TTr-SGDĐT ngày 25/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chiến lược phát triển giáo dục tỉnh Quảng Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các địa phương triển khai thực hiện Chiến lược đạt kết quả; định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện Chiến lược trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND các địa phương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VH-XH, HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH Quảng Nam, Công TTĐT tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, KGVX (O).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Tuấn

CHIẾN LƯỢC

Phát triển giáo dục tỉnh Quảng Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Kèm theo Quyết định số: 1004/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Quảng Nam vùng đất mở, là trung điểm của cả nước, 01 trong 05 tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Tỉnh Quảng Nam giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng. Trong quá trình hình thành, phát triển và hội nhập, Quảng Nam luôn là vị trí chiến lược quan trọng, có những đóng góp lớn trong công cuộc bảo vệ, xây dựng, phát triển đất nước. Người dân Quảng Nam năng động, sáng tạo, hiếu học và tôn trọng sự học.

Gần 30 năm tái lập tỉnh, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam không ngừng phát triển và đạt được những kết quả quan trọng cả về qui mô và chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của Nhân dân, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đóng góp tích cực vào sự phát triển của tỉnh. Tuy nhiên, trước yêu cầu của thời kỳ phát triển mới, giáo dục và đào tạo của tỉnh còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa đáp ứng được sự phát triển của tỉnh, chưa tương xứng với truyền thống hiếu học, sự mong đợi và kỳ vọng của Nhân dân.

Trước yêu cầu cấp thiết đó, để hiện thực hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước, đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, phục vụ có hiệu quả cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; việc xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục tỉnh Quảng Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là cần thiết, có ý nghĩa rất quan trọng.

Phần I

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NAM

I. QUY MÔ TRƯỜNG LỚP

1. Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

Tính đến năm học 2024 - 2025, toàn tỉnh có 724 trường công lập (MN: 225, TH: 227, THCS: 218; THPT: 54); có 351.204 học sinh/11.008 lớp (MN: 54.745 trẻ/2165 nhóm, lớp; TH: 138.733 học sinh/4835 lớp; THCS: 100.418 học sinh/2.686 lớp; THPT: 51.308 học sinh/1.326 lớp). Có 70 trường ngoài công lập (MN: 62 trường; TH&THCS: 01 trường; TH, THCS&THPT: 06 trường; THPT: 01 trường) và 744 cơ sở GDMN độc lập tư thục; có 29.152 học sinh/1.380 lớp (MN:

27.273 trẻ /1.409 nhóm, lớp; TH: 419 học sinh/20 lớp; THCS: 159 học sinh/13 lớp; THPT: 1.154 học sinh/31 lớp).

Trên địa bàn tỉnh có 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên, 22 trung tâm học tập cộng đồng, 132 trung tâm tin học - ngoại ngữ; 12 trung tâm tư vấn du học; 25 trung tâm giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Hệ thống mạng lưới trường lớp học, các trung tâm được quy hoạch, sắp xếp, bố trí, phân bổ ngày càng hợp lý hơn trên địa bàn tỉnh, nhìn chung, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của Nhân dân.

2. Giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

Hiện nay, tỉnh Quảng Nam có 02 trường đại học: Trường Đại học Quảng Nam trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và trường Đại học tư thục Phan Châu Trinh; có 24 cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp (GDNN), trong đó: 08 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp, 08 trung tâm GDNN và 04 doanh nghiệp có đăng ký tham gia hoạt động GDNN. Quy mô tuyển sinh hằng năm của các cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh là 39.769 người/năm (trong đó: trình độ cao đẳng: 3.970 người, trình độ trung cấp: 5.740 người, trình độ sơ cấp 30.059 người). Trong giai đoạn hiện nay, việc tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp gặp khó khăn nhất định; chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

II. ĐỘI NGŨ

1. Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

Tổng biên chế sự nghiệp giáo dục tính đến tháng 01 năm 2025 là 22.407 biên chế, tăng 1.508 biên chế so với năm 2015; toàn ngành có 09 tiến sĩ, 427 thạc sĩ; tỷ lệ giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông đạt chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định là 82,2%.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được chú trọng. Năng lực sư phạm của nhà giáo được nâng lên. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục.

Công tác chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ nhà giáo được quan tâm, bồi dưỡng thường xuyên; hằng năm ở các bậc học, cấp học, tỷ lệ nhà giáo có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống được đánh giá xếp loại tốt đạt từ 85 - 90%, khá từ 10 - 15%, loại trung bình và yếu, kém dưới 0,5%.

2. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

Trường Đại học Quảng Nam có 180 cán bộ, viên chức; trong đó, 01 phó giáo sư, 15 tiến sĩ, 93 thạc sĩ. Tổng số nhà giáo trong các cơ sở GDNN là 934 người; trong đó, trên đại học là 267 người, đại học 338 người, trình độ khác 329 người. Hầu hết cán bộ, giảng viên, giáo viên của các trường đại học, các cơ sở GDNN tâm huyết, yêu nghề, có trách nhiệm và đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị, kiểm định chất lượng giáo dục gắn với xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Đến tháng 01/2025, có 414 trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 57.02%, trong đó, mầm non 143 trường, tỷ lệ 63.27%; tiểu học 135 trường, tỷ lệ 59.47%; THCS 127 trường, tỷ lệ 58.26%; THPT 09 trường, tỷ lệ 16.66%.

Trang thiết bị dạy học cho cấp Tiểu học, THCS, THPT đáp ứng dạy học Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đã được đầu tư mua sắm hàng năm nhưng mức đầu tư ít chưa đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho việc giảng dạy. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa thực sự đảm bảo yêu cầu phục vụ cho thực hiện chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo.

Các cơ sở GDNN từng bước được quy hoạch, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, hợp lý và đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác đào tạo, nội trú cho học sinh, sinh viên như: phòng học, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện, ký túc xá. Các trường đại học trên địa bàn tỉnh cơ bản đủ cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu của sinh viên.

IV. CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Giáo dục mầm non

Cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) phát triển và phân bố đều khắp trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia trên 64%. 100% cơ sở GDMN triển khai chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của địa phương, với khả năng và nhu cầu của trẻ; triển khai thực hiện có hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng GDMN. Trong thời gian qua, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho trẻ em và giáo viên, nhân viên, tạo cơ hội cho trẻ được tiếp cận sớm với giáo dục. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi luôn được củng cố và nâng cao chất lượng, tháng 12/2019, tỉnh Quảng Nam được Bộ GDĐT công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

2. Giáo dục phổ thông

a) Giáo dục tiểu học

Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018: đảm bảo nội dung, chương trình, sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, đội ngũ giáo viên; đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; mở rộng quy mô trường lớp học 2 buổi/ngày, thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh, môn Tin học. Tỉnh Quảng Nam được Bộ GDĐT công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi năm 2008 và công nhận tỉnh đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 vào tháng 12 năm 2022.

b) Giáo dục trung học

Chuẩn bị chu đáo các điều kiện và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo đúng lộ trình, đảm bảo các yêu cầu cần đạt, nhất là yêu cầu về đổi mới phương pháp dạy học để phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Chất lượng hai mặt giáo dục được củng cố và tăng đều hằng năm. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi hoàn thành chương trình THCS đạt 95%, THPT đạt 91%. Học sinh tốt nghiệp THCS hằng năm đạt tỷ lệ trên 99,5%; tốt nghiệp THPT trên 98,4%; thi đỗ và vào các trường đại học, cao đẳng đạt tỷ lệ cao so với bình quân chung cả nước. Chất lượng giáo dục mũi nhọn đạt kết quả nổi bật, nhiều năm liền số lượng học sinh đoạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia tăng và dẫn đầu các tỉnh khu vực miền Trung, Tây Nguyên, đặc biệt, năm 2023, 2024, lần đầu tiên Quảng Nam có học sinh đạt Huy chương Vàng khu vực và Huy chương Bạc quốc tế ở môn Hóa học. Giáo dục trải nghiệm, giáo dục thể chất, hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống có chuyển biến tích cực và đạt kết quả khích lệ. Đến năm 2025, 100% huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, trong đó, có 58,8% (10/17 địa phương) đạt mức độ 3.

c) Giáo dục thường xuyên

Hình thành hệ thống các trung tâm (*trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, tin học - ngoại ngữ, tư vấn du học, trung tâm giáo dục ngoài giờ chính khóa*) tương đối hợp lý trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo cơ hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời, nâng cao dân trí; thực hiện phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS gắn với việc giảng dạy chương trình GDTX cấp THPT kết hợp với dạy nghề, GDNN đạt những kết quả nhất định.

d) Giáo dục nghề nghiệp

Các cơ sở GDNN đã cố gắng khắc phục những khó khăn, linh động trong công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm sau đào tạo đạt kết quả tốt. Từ năm 2021 đến năm 2024, tổng tuyển sinh GDNN trên địa bàn tỉnh là 101.825 người (*trong đó: cao đẳng: 4.547 người, trung cấp: 9.447 người, trình độ sơ cấp: 61.368 người, đào tạo dưới 3 tháng: 26.463 người*). Năm 2024, có 03 trường Cao đẳng được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp gồm: Trường Cao đẳng Quảng Nam, Trường Cao đẳng Công nghệ, kinh tế và Thủy lợi Miền Trung, Trường Cao đẳng Phương Đông.

e) Giáo dục đại học

Trường Đại học Quảng Nam thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy tổ chức phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Phối hợp, liên kết với các cơ sở đại học thực hiện đào tạo đa ngành, lĩnh vực, đào tạo các chương trình vừa học, vừa làm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho viên chức ngành giáo dục. Trong 10 năm qua (2015 - 2025), Trường Đại học Quảng Nam đã tuyển sinh, đào tạo trên 23.500 học sinh, sinh viên; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau đào tạo từ 64% - 85%, bổ sung đáng kể nguồn nhân lực qua đào tạo cho tỉnh Quảng Nam và khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

V. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Việc thực hiện quan điểm của Đảng: "Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội" ở một số địa phương, đơn vị chưa thật sự quyết liệt và đồng bộ; nguồn lực đầu tư cho giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Nhiều trường học, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành, các phòng chức năng, nhà đa năng, sân chơi, bãi tập, ...; khu nội trú học sinh, nhà công vụ giáo viên còn thiếu, bị xuống cấp, không đạt tiêu chuẩn quy định; vẫn còn phòng học tạm ở các thôn, bản vùng miền núi cao. Một số trường mầm non, trường phổ thông chưa đủ quỹ đất theo quy định, nhất là ở khu vực thành phố, thị xã.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhiều cơ sở giáo dục, đào tạo còn thiếu, xuống cấp, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, nhất là ở các huyện miền núi. Việc ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập thiếu đồng bộ.

Hiện nay, toàn tỉnh chưa có cơ sở giáo dục đảm bảo cơ sở vật chất mức 2 theo quy định tại Thông tư 13; chưa có cơ sở giáo dục có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, tiên tiến ngang tầm với các cơ sở giáo dục lớn trên cả nước.

Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 thấp, không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XXII đề ra.

Chất lượng giáo dục có chuyển biến tích cực nhưng chưa đồng đều giữa các địa phương, giữa miền núi với đồng bằng, thành phố, giữa chất lượng mũi nhọn với chất lượng giáo dục đại trà.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ và kỹ năng tay nghề còn thấp. Tuyển sinh trung cấp, cao đẳng đạt tỷ lệ thấp so với quy mô tuyển sinh GDNN hằng năm. Tỷ lệ phân luồng học sinh sau THCS, THPT vào học nghề còn rất thấp so với chỉ tiêu Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025. Năng lực của các cơ sở GDNN chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn lao động có kỹ năng nghề cao, nhất là các ngành, nghề phục vụ yêu cầu phát triển của tỉnh trong bối cảnh tác động của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Trường Đại học Quảng Nam có tỷ lệ tiến sĩ/sinh viên còn thấp, ngành, nghề đào tạo chưa đa dạng. Chưa đủ nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết để mở các mã ngành mà xã hội có nhu cầu. Trong những năm gần đây, số lượng tuyển sinh chính quy không đạt chỉ tiêu được giao.

Chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục còn nhiều bất cập, chưa có chính sách thu hút, giữ chân giáo viên công tác lâu dài ở miền núi; tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhất là khu vực miền núi chậm khắc phục. Đội ngũ nhà giáo ở các cơ sở GDNN còn bất cập, tỷ lệ đạt chuẩn còn thấp; chương trình, giáo trình đào tạo chưa theo kịp với những tiến bộ khoa học kỹ thuật; cơ sở vật chất và trang thiết bị bộc lộ nhiều hạn chế. Ngành nghề đào tạo chưa gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

Công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế so với nhu cầu thực tế của ngành giáo dục. Số lượng, tỷ lệ các cơ sở giáo dục ngoài công lập, đặc biệt ở giáo dục phổ thông còn ít, thiếu bền vững, chủ yếu tập trung ở các thành phố, thị xã. Qui mô, chất lượng các cơ sở giáo dục ngoài công lập còn khiêm tốn, chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của nhân dân về môi trường giáo dục chất lượng cao, hội nhập quốc tế.

Số lượng học sinh khuyết tật chưa được tiếp cận giáo dục còn cao. Nguyên nhân chính là tỉnh chưa có cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho học sinh khuyết tật. Học sinh khuyết tật còn gặp nhiều khó khăn trong việc học hòa nhập, không tiếp cận được phương pháp giáo dục khi học hòa nhập ở các cơ sở giáo dục phổ thông.

Phần II

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH QUẢNG NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. QUAN ĐIỂM

1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả quan điểm: "Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân". Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý của các cấp chính quyền, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội trong phát triển giáo dục. "Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển", ưu tiên ngân sách nhà nước dành cho đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh.

2. Xây dựng nền giáo dục tiên tiến, hiện đại và hội nhập; thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục; chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, đồng thời tạo điều kiện để những nơi có điều kiện bức phá, phát triển nhanh, tạo động lực, làm vai trò dẫn dắt giáo dục của tỉnh phát triển. Xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội để ai cũng được học tập, học tập thường xuyên, học tập suốt đời.

3. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu là trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, đặc biệt là năng lực tự học, đổi mới, sáng tạo của người học. Thực hiện tốt nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội. Phát triển GDĐT để nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh, của đất nước trong tình hình mới; đồng thời thỏa mãn nhu cầu phát triển tài năng, năng khiếu của mỗi cá nhân.

4. Ban hành cơ chế, chính sách để đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực để đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo; chú trọng đầu tư phát triển giáo dục ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, tạo chuyển biến mạnh mẽ về qui mô, chất lượng giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh.

5. Tiếp thu và ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu khoa học và công nghệ, thực hiện chuyển đổi số để hiện đại hóa và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Tích cực giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế, phát hiện, tranh thủ các cơ hội, thu hút các nguồn lực bên ngoài kể cả trong nước và quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa, hiếu học của Quảng Nam, tiếp thu văn minh nhân loại, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiến bộ của khoa học, công nghệ; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, năng lực sáng tạo nhằm xây dựng và phát triển toàn diện con người Quảng Nam, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển của tỉnh trong kỷ nguyên mới, hướng tới đào tạo công dân toàn cầu. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Phân đầu phát triển giáo dục Quảng Nam đạt trình độ tiên tiến của khu vực châu Á vào năm 2030 và đạt trình độ tiên tiến của thế giới vào năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giáo dục mầm non

Mục tiêu đến năm 2030:

- 100% địa phương hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo; huy động 40% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ và 98% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường; 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày; Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi dưới 4%, thể thừa cân, béo phì dưới 3%.

- 100% phòng học mầm non, mẫu giáo được kiên cố và đảm bảo đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. 100% cơ sở GDMN thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý, trong dạy học. 75% trường mầm non, mẫu giáo công lập đạt chuẩn quốc gia.

- Bảo đảm đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định; 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

- Tỷ lệ trường mầm non, mẫu giáo ngoài công lập đạt 25%; đạt trên 35% tỷ lệ huy động trẻ em theo học trong các cơ sở GDMN ngoài công lập.

Tầm nhìn đến năm 2045:

- Đạt 60% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 100% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, thể thừa cân, béo phì dưới 2%.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non có trình độ đào tạo trên chuẩn theo Luật Giáo dục đạt 90%; đảm bảo 100% phòng học kiên cố và đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo hướng hiện đại; thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi

số trong hầu hết các hoạt động quản lý và dạy học; có trên 95% trường mầm non, mẫu giáo công lập đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ trường mầm non, mẫu giáo ngoài công lập đạt 35%; trẻ em học tại cơ sở GDMN ngoài công lập đạt 45%.

- 100% địa phương duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo.

b) Giáo dục phổ thông

Mục tiêu đến năm 2030:

- Giáo dục Tiểu học:

+ Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3 theo quy định.

+ Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi đạt 100%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% và 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học học lớp 6.

+ Bảo đảm tỷ lệ 1 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; có 80% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

+ Bảo đảm đủ tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, các hoạt động giáo dục; 100% học sinh học 2 buổi/ngày, học sinh lớp 3, 4, 5 học tiếng Anh, Tin học đạt 100%.

- Giáo dục trung học:

+ Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS và 80% địa phương đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

+ Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi hoàn thành chương trình THCS đạt 99%, THPT đạt 95%.

+ Học sinh chuyển cấp từ THCS lên THPT và các trình độ khác đạt tỷ lệ trên 95%.

+ Tỷ lệ học sinh khuyết tật về trí tuệ trong độ tuổi THCS được tiếp cận giáo dục đạt trên 95%, THPT đạt 90%.

+ Đạt 80% trường có cấp trung học cơ sở và 60% trường có cấp THPT đạt chuẩn quốc gia.

+ Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập đạt trên 5%, tỷ lệ học sinh học tại các cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập đạt 5%.

+ Bảo đảm đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định; và 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục; tỷ lệ học sinh THCS học 2 buổi/ngày đạt 35%.

Tầm nhìn đến năm 2045:

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3 và tỉnh đạt chuẩn bền vững với tỷ lệ cao ở các tiêu chí về phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

- Đạt 100% học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày, học sinh lớp 3, 4, 5 học tiếng Anh, Tin học, học sinh lớp 1,2 học môn tiếng Anh tự chọn đạt 100%.

- Đạt 100% các trường, lớp học được kiên cố theo hướng chuẩn hóa; có đủ trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại; ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hầu hết các hoạt động quản lý và dạy học; đạt 95% trường tiểu học, 90% trường THCS, THPT đạt chuẩn quốc gia ở mức cao.

- Bảo đảm tỷ lệ giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, các hoạt động giáo dục.

- Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập đạt 20%, tỷ lệ học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập đạt 15%.

c) Giáo dục thường xuyên

Mục tiêu đến năm 2030:

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 ở 100% địa phương trên địa bàn.

- Hình thành mạng lưới giáo dục thường xuyên và các loại hình giáo dục phù hợp, tạo cơ hội cho việc học tập thường xuyên, học tập suốt đời cho các tầng lớp nhân dân; thành lập các Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập đảm bảo, phù hợp với Hệ thống Trung tâm hỗ trợ phát triển hòa nhập công lập đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đến năm 2030 có 50% công dân đạt danh hiệu công dân học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành; 50% địa phương được công nhận danh hiệu “Cộng đồng học tập”.

- Xây dựng thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An được công nhận là thành phố học tập theo tiêu chuẩn của UNESCO.

Tầm nhìn đến năm 2045: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 trên địa bàn tỉnh. Phần đầu có ít nhất 90% các địa phương được công nhận danh hiệu “Cộng đồng học tập” và tỉnh Quảng Nam được công nhận danh hiệu tỉnh, thành phố học tập.

d) Giáo dục nghề nghiệp

Mục tiêu đến năm 2030:

- Đầu tư phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp đảm bảo quy mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng một số cơ sở GDNN đạt chuẩn chất lượng cao; chất lượng GDNN phải tiệm cận với chất lượng theo tiêu chuẩn các nước ASEAN và quốc tế.

- Thu hút 25% đến 30% học sinh tốt nghiệp THCS, THPT vào hệ thống GDNN; có trên 40% cơ sở GDNN và trên 50% chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng.

- 90% nhà giáo đạt chuẩn đào tạo nghề nghiệp theo quy định, 100% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng, có kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, đủ năng lực áp dụng công nghệ trong công tác quản lý và đào tạo.

Tầm nhìn đến năm 2045: Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao, bắt kịp trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

e) Giáo dục đại học

Mục tiêu đến năm 2030:

- Tập trung đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp đào tạo, quản trị nhà trường theo hướng hiện đại. Quan tâm nguồn lực đầu tư cho các ngành khoa học cơ bản, trọng điểm và mũi nhọn, đặc biệt ngành sư phạm, sức khỏe và công nghệ để đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, với số lượng và cơ cấu hợp lý.

- Các cơ sở giáo dục đại học chú trọng phát huy tối đa nguồn lực con người và cơ sở vật chất, thu hút tốt hơn các nguồn lực của xã hội. Đồng thời sử dụng hiệu quả hơn kinh phí nhà nước, mở rộng các hoạt động dịch vụ, gắn kết với đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế; thường xuyên cập nhật, phát triển chương trình đào tạo để người học luôn được tiếp cận và làm chủ tri thức mới, có kỹ năng làm việc toàn cầu, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp trong mỗi sinh viên.

Tầm nhìn đến năm 2045:

- Mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cho các cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn.

- Phấn đấu 100% cơ sở đào tạo đại học trên địa bàn tỉnh đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp. Có ít nhất 01 cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh được xếp hạng trong nhóm 200 trường đại học hàng đầu châu Á.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện, động lực phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, có hiệu quả của các ban, ngành, đoàn thể trong quá trình xây dựng, phát triển giáo dục, đào tạo. Đổi mới tư duy về giáo dục từ nhận thức đến việc triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả, đúng quan điểm “Giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển”, dành ưu tiên ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển giáo dục kết hợp với các nguồn lực hợp pháp khác, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo: về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục, phát triển giáo

dục miền núi, xã hội hóa, hiện đại hóa giáo dục, giáo dục thường xuyên, GDNN, giáo dục đại học, tạo điều kiện, động lực để giáo dục tỉnh Quảng Nam phát triển nhanh, bền vững, đạt các mục tiêu đề ra.

2. Thực hiện các giải pháp xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với vị trí việc làm, đảm bảo sự cân đối, hợp lý về số lượng, chất lượng giữa các cấp học, giữa các vùng miền trên phạm vi toàn tỉnh. Bố trí đủ số lượng giáo viên các cấp học đảm bảo chất lượng, cơ cấu bộ môn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, đặc biệt bố trí đủ giáo viên tiếng Anh, Tin học để tổ chức giảng dạy cho 100% học sinh các lớp 3, 4, 5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu đội ngũ các cấp (*trường, Phòng GDĐT, Sở GDĐT*) theo quy định của Bộ GDĐT.

Tiếp tục thực hiện lộ trình nâng chuẩn giáo viên; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu đào tạo nhân lực của ngành và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Tăng cường các hình thức bồi dưỡng, hỗ trợ hoạt động dạy học và quản lý cho giáo viên, cán bộ quản lý.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đặc biệt là đội ngũ đang công tác tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thực hiện tốt công tác đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý bảo đảm thực chất, gắn với thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực cho nhà giáo phát triển. Rà soát việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thăng hạng, xếp lương đội ngũ nhà giáo bảo đảm đúng quy định, thiết thực, hợp lý. Tiếp tục triển khai thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên.

Tăng cường bồi dưỡng thông qua các chương trình hợp tác với các trường đại học, dự án quốc tế để nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên các cấp học, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên đảm bảo tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non (mới), Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình giáo dục thường xuyên.

Tiếp tục thu hút, tuyển dụng sinh viên sư phạm tốt nghiệp loại xuất sắc; thực hiện quản lý, sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến; nghiên cứu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ. Có chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo; nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

3. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

Đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, kiến tạo để phát triển; đổi mới hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp và cơ chế quản trị của các nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục; cải tiến quản lý, khuyến khích đổi mới sáng tạo gắn với thực tiễn.

Thực hiện phân cấp quản lý nhà nước một cách triệt để, bảo đảm tính hệ thống, liên thông trong quản lý giáo dục giữa cấp tỉnh với các địa phương và cơ sở giáo dục. Giao quyền tự chủ và thực hiện tốt hơn dân chủ trong các cơ sở giáo dục. Thực hiện thí điểm về giao quyền tự chủ trong các cơ sở giáo dục ở những nơi có điều kiện. Đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại, lành mạnh phù hợp với thực tiễn; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục; Phát triển kho học liệu số chia sẻ dữ liệu dùng chung toàn ngành. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu, trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường.

Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra của chính quyền địa phương, của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

4. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng giáo dục các giá trị cốt lõi, nhân bản, phát huy tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc. Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng làm việc, trách nhiệm xã hội, kiến thức pháp luật, ý thức công dân, khát vọng cống hiến cho học sinh. Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hoá, văn nghệ và công tác y tế trong trường học.

Đổi mới toàn diện mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý trẻ em mầm non và điều kiện thực tiễn tại các cơ sở GDMN và địa phương, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của trẻ em, đồng thời bảo đảm liên thông, gắn kết với đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông. Phát huy hiệu quả và tiếp tục nâng cao chất lượng Chuyên đề Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm và Đề án Tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số; khuyến khích cơ sở GDMN có điều kiện triển khai cho trẻ mẫu giáo làm

quen tiếng Anh; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của người học.

Thực hiện đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng việc dạy - học các môn có yêu cầu thực hành, thí nghiệm và các môn Ngoại ngữ, Tin học. Nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo; khuyến khích các đơn vị dạy học một số môn khoa học bằng tiếng Anh. Thực hiện đổi mới đánh giá người học và kiểm định chất lượng. Thực hiện kiểm tra đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Tiếp tục đầu tư phát triển 02 trường THPT chuyên của tỉnh cả về cơ sở vật chất, đội ngũ, giáo dục và nghiên cứu khoa học, đủ điều kiện, đủ năng lực làm vai trò trung tâm, động lực, dẫn dắt trong quá trình phát triển của ngành. Thực hiện tốt vai trò phát hiện, bồi dưỡng, định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh, cho đất nước.

Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên. Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục. Nghiên cứu xây dựng khung kỹ năng bồi dưỡng, thúc đẩy tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.

Tăng cường các nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực các ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn,... Đổi mới quản lý, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh, sinh viên. Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây

dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cần đạt để đánh giá tính tích cực, chủ động của học sinh, sinh viên khi tham gia các hoạt động.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông nhất là ở các trường THPT chuyên và các trường THPT ở những nơi có điều kiện; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia trong giai đoạn mới.

Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hòa, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

5. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Ưu tiên bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và đáp ứng nhu cầu học tập của người dân tộc thiểu số, người sống ở miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người yếu thế.

Duy trì và nâng cao chất lượng kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, từng bước triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập trung học cơ sở và công tác xóa mù chữ mức độ 2; bảo đảm mọi người được trang bị kỹ năng của con người thế kỷ 21; nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng.

Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

Ưu tiên đầu tư cho giáo dục miền núi, giáo dục dân tộc và vùng khó khăn; tập trung nguồn lực đầu tư, củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì kết quả phổ cập giáo dục, tạo nguồn đào tạo nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

6. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp nhu cầu học tập của người dân

Triển khai hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục và phương thức học tập để phù hợp với đối tượng người học; thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập và chuyển đổi số trong giáo dục.

Phát triển và củng cố mạng lưới cơ sở giáo dục, bảo đảm các điều kiện để thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, phổ thông; quy hoạch và bố trí quỹ đất để xây dựng trường, lớp đáp ứng yêu cầu chuẩn cơ sở giáo dục. Tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, cơ cấu hợp lý, giảm đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải; sắp xếp, sáp nhập, xóa các điểm trường lẻ quy mô nhỏ, không đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu. Thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tư thục ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển. Nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường chất lượng cao, trường công lập tự chủ...

Triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.

Tập trung củng cố và đầu tư mở rộng quy mô Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh; thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng với trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, phường nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

7. Phát triển giáo dục miền núi

Tiếp tục chỉ đạo rà soát, quy hoạch hệ thống mạng lưới trường, lớp, cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện của vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Củng cố, phát triển hệ thống trường PTDTNT theo hướng trường chuẩn quốc gia. Mở rộng các trường PTDTBT.

Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn về nghề nghiệp, hợp lý về cơ cấu, tăng cường giáo viên là đồng bào dân tộc thiểu số, có trình độ cả về sư phạm và kiến thức cho từng vùng, từng dân tộc. Xây dựng chế độ đãi ngộ và sử dụng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với yêu cầu thực tiễn để họ yên tâm với nghề nghiệp, gắn bó với địa phương.

Ưu tiên nguồn lực thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2026 - 2030. Tổ chức thực hiện các chương trình, đề án phát triển giáo dục cho vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Đảm bảo chính sách hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện tốt các chính sách liên quan đến giáo dục miền núi; ban hành cơ chế, chính sách mới đặc thù của tỉnh về hỗ trợ cho học sinh, giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục, tạo sự bình đẳng trong hưởng thụ giáo dục giữa các vùng, miền trên địa bàn tỉnh.

8. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

Bổ trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định. Kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo phù hợp với tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí theo quy định, xóa mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chuẩn hóa cơ sở vật chất trường học, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đổi mới cơ cấu nguồn lực tài chính đầu tư cho giáo dục và đào tạo; đồng thời với tăng ngân sách nhà nước, thực hiện đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích sự đầu tư của xã hội, của các thành phần kinh tế, của doanh nghiệp cả trong và ngoài nước để phát triển giáo dục. Tổ chức lồng ghép, tích hợp các chương trình mục tiêu quốc gia để tăng cường cơ sở vật chất, kiên cố hoá trường lớp học, nhà công vụ giáo viên, xóa phòng học tạm ở miền núi. Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích nguồn lực phát triển giáo dục ngoài công lập, nhất là giáo dục chất lượng cao; thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng tỷ lệ cơ sở giáo dục và tỷ lệ học sinh ngoài công lập trong hệ thống giáo dục của tỉnh. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài để hỗ trợ phát triển giáo dục, giúp học sinh, sinh viên nghèo có thành tích học tập tốt. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao kết quả nghiên cứu.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, trong quản lý ngân sách nhà nước, trong lập và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước cho giáo dục theo hướng hiệu quả, công khai, minh bạch, phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm giải trình của các cấp, các ngành và các đơn vị dự toán ngân sách.

Nghiên cứu cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo kết quả đầu ra trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của nhà nước đối với người học ở trường công lập

và tư thực. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thực đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là loại hình tư thực chất lượng cao và không vì lợi nhuận.

Huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, vốn đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư công để gia tăng thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển giáo dục.

9. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục

Thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi số trong ngành giáo dục, trong quản trị, quản lý, trong các hoạt động giáo dục. Đồng bộ dữ liệu ngành giáo dục tỉnh với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT. Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai các mô hình quản lý nhà trường tiên tiến trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả; nâng cao nhận thức, tạo môi trường tin cậy thúc đẩy chuyển đổi số làm nền tảng cho học tập suốt đời.

Triển khai các nền tảng công nghệ phục vụ dạy học, kiểm tra trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường, tạo hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục; triển khai dạy học trên truyền hình; phát huy khả năng tự học, nghiên cứu độc lập của người học trong các cơ sở giáo dục; thúc đẩy phát triển mô hình giáo dục thông minh và giáo dục số.

Thúc đẩy sự tham gia của các cơ sở giáo dục trong việc xây dựng và khai thác các nguồn tài nguyên giáo dục mở, cho phép liên thông với các chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực GDĐT.

Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục thông qua các hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số đối với người học, người dạy, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm công tác quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường mạng; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

Triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; tất cả cơ sở giáo dục triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Đẩy mạnh đào tạo trực tuyến theo chuẩn quốc tế. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình

trường học mới như trường học số, trường học thông minh; triển khai thực hiện mô hình giáo dục đại học số nhằm phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

10. Tăng cường hợp tác quốc tế

Khuyến khích các cơ sở giáo dục tăng cường hợp tác trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý giáo dục, trong đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục chất lượng cao, đào tạo nghề; thu hút nguồn tài trợ quốc tế, chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu; tăng cường trao đổi học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên; hợp tác trong đào tạo ngoại ngữ, đào tạo tiếng Việt, đào tạo ngành, lĩnh vực mà Quảng Nam có thế mạnh; hợp tác trong nghiên cứu khoa học.

Xúc tiến hợp tác và đầu tư với nước ngoài, phát triển các trường mầm non, trường phổ thông, cơ sở GDNN chất lượng cao, thực hiện liên kết quốc tế để nâng cao chất lượng giáo dục; tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để phát triển giáo dục của tỉnh.

Nghiên cứu thúc đẩy hợp tác với các cơ sở giáo dục của các nước có nền giáo dục chất lượng cao trên thế giới, trước hết là các nước ASEAN và châu Á; khai thác, tranh thủ các chương trình, dự án, học bổng của các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới để hỗ trợ phát triển giáo dục của tỉnh.

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện Chiến lược

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách của các sở, ngành và các địa phương.

- Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ngành, UBND các địa phương lập dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện Chiến lược và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện

a) Giai đoạn 2025-2027

Thành lập ban Chỉ đạo cấp tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục tỉnh Quảng Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tổ chức rà soát sắp xếp hệ thống mạng lưới trường lớp; triển khai và đánh giá toàn diện về kết quả thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; xây dựng một số cơ chế chính sách về phát triển cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo; thực hiện chuyển đổi số trong ngành giáo dục. Tổ chức sơ kết thực hiện Chiến lược vào cuối năm 2027.

b) Giai đoạn 2028-2030

Tiếp tục thực hiện đổi mới ở tất cả các cấp học và một số nhiệm vụ ở giai đoạn 1; tập trung củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục; triển khai thực hiện và hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo; tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2025-2030 vào đầu năm 2031.

c) Giai đoạn 2031-2045

Trên cơ sở tổng kết giai đoạn 2025-2030, tiếp tục thực hiện đổi mới ở tất cả các cấp học; tăng cường đầu tư nguồn lực cho giáo dục để chuẩn hóa, hiện đại hóa các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với một số cơ sở giáo dục.

2. Phân công tổ chức thực hiện

a) Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và UBND các địa phương thực hiện các nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược, hướng dẫn kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh; tổ chức sơ kết thực hiện Chiến lược vào cuối năm 2027 và tổng kết việc thực hiện Chiến lược vào cuối mỗi giai đoạn (*05 năm tổng kết 01 lần*).

- Tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, chương trình công tác phát triển giáo dục hằng năm phù hợp với Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Rà soát các nghị quyết, chương trình, đề án liên quan đến phát triển giáo dục để đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới phù hợp với mục tiêu, định hướng và giải pháp trong Chiến lược.

b) Sở Tài chính

- Ưu tiên bố trí vốn cho kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện các dự án, chương trình theo lộ trình thực hiện Chiến lược. Tổ chức lồng ghép, kết hợp các nguồn vốn: Vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tài trợ, viện trợ, xã hội hóa để thực hiện Chiến lược.

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan nghiên cứu tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định phân bổ nguồn kinh phí theo hướng ưu tiên bố trí ngân sách chi thường xuyên đảm bảo các hoạt động đào tạo và đào tạo, đặc biệt bảo đảm đủ kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho đội

ngũ nhà giáo, đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu cho các chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

c) Sở Nội vụ: chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền có giải pháp khắc phục tình trạng thừa thiếu giáo viên, bố trí đảm bảo đủ định mức biên chế cho ngành giáo dục; tham mưu xây dựng Đề án Chính sách thu hút, đãi ngộ cho giáo viên miền núi, nhằm có cơ chế đặc thù cho giáo viên, giúp cho an tâm công tác lâu dài ở miền núi.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường: phối hợp với các địa phương quy hoạch quỹ đất cho các cơ sở giáo dục đảm bảo điều kiện để phát triển các cơ sở giáo dục theo hướng chuẩn hoá và hiện đại.

e) Các Sở, Ban, ngành khác: theo chức năng nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục tỉnh Quảng Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong phạm vi thẩm quyền; phối hợp với Sở GDĐT triển khai thực hiện một số nội dung liên quan.

g) Ủy ban nhân dân các địa phương

Chịu trách nhiệm phát triển giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền; xây dựng và đảm bảo việc thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục tỉnh Quảng Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm, các chương trình đề án phát triển giáo dục địa phương phù hợp với Chiến lược; chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án của địa phương.

h) Các cơ sở giáo dục

- Xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của ngành và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển giáo dục của tỉnh. Tích cực đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý và dạy học; rà soát cơ sở vật chất, lập kế hoạch sửa chữa, duy tu bảo dưỡng, xây dựng mới cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị dạy học và xây dựng phương án thực hiện phù hợp, khả thi.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thường xuyên bồi dưỡng, học tập, không ngừng nâng cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhân cách, đạo đức nhà giáo, năng lực về ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ và đáp ứng yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục và đào tạo./.